

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
SỞ XÂY DỰNG

# HƯỚNG DẪN

LẬP VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
THEO MỨC TIỀN LƯƠNG HƯỚNG DẪN TẠI THÔNG TƯ SỐ  
01/2015/TT-BXD NGÀY 20/3/2015 CỦA BỘ XÂY DỰNG



NĂM 2015

**UBND TỈNH HÀ TĨNH**  
**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 593/SXD -KTXD

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 5 năm 2015

V/v Hướng dẫn lập dự toán xây dựng  
CT theo mức tiền lương hướng dẫn  
tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD  
của Bộ Xây dựng

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các sở, ngành quản lý về đầu tư xây dựng;
- Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh về công bố đơn giá xây dựng, lắp đặt và khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh về công bố hệ số điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công trong dự toán công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý dự toán công trình xây dựng

Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng cụ thể như sau:

**I. LẬP VÀ ĐIỀU CHỈNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**1. Chi phí nhân công và máy thi công**

Chi phí nhân công và máy thi công trong dự toán xây dựng công trình lập theo đơn giá xây dựng công trình công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, được điều chỉnh bằng cách nhân với hệ số điều chỉnh theo mức công bố tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

### 1. 1. Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công

TT	Vùng	Hệ số điều chỉnh ( $K_{NC}^{DC}$ )	
		Phần xây dựng	Phần khảo sát
1	Vùng III với mức lương đầu vào 2.000.000 đ/tháng	1,936	1,838
2	Vùng IV với mức lương đầu vào 1.900.000 đ/tháng	1,839	1,746

### 1.2. Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công

TT	Loại công trình	Hệ số điều chỉnh ( $K_{MTC}^{DC}$ )	
		Vùng III với mức lương đầu vào 2.000.000 đ/tháng	Vùng IV với mức lương đầu vào 1.900.000 đ/tháng
1	Dân dụng và công nghiệp	1,32	1,265
2	Đường bộ	1,01	1,00
3	Công trình cầu, cống	1,16	1,10
4	Công trình thủy lợi	1,15	1,10
5	Hạ tầng kỹ thuật	1,22	1,15
6	San nền	1,02	1,01

#### Ghi chú:

- Công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, huyện Kỳ Anh, thuộc vùng III với mức lương đầu vào 2.000.000 đ/ tháng;
- Công trình xây dựng trên các địa bàn khác trong tỉnh, thuộc vùng IV với mức lương đầu vào 1.900.000 đ/ tháng.
- Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công nêu trên, đã bao gồm phần điều chỉnh giá nhiên liệu theo mức giá công bố của Sở Xây dựng tại thời điểm Quý I năm 2015 và giá bán điện theo quy định tại Quyết định số 2256/QĐ-BCT ngày 12/3/2015 của Bộ Công thương.
- Mức lương đầu vào xác định hệ số điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công đã bao gồm các khoản lương phụ và phụ cấp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

### 2. Điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán chi phí khảo sát xây dựng:

Chi phí nhân công trong dự toán chi phí khảo sát xây dựng lập theo Đơn giá khảo sát xây dựng, công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh và hướng dẫn tại văn bản số 37/SXD-KTXD ngày 13/01/2014 của Sở Xây dựng, được điều chỉnh bằng cách nhân với hệ số  $K_{NC}^{DC}$  theo mức nêu tại Điểm 1.1 trên đây.

### **3. Các khoản chi phí tính theo tỷ lệ % trong dự toán chi phí xây dựng công trình:**

Các khoản mục chi phí: Trực tiếp phí khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường được tính theo tỷ lệ % qui định tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Các khoản mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác tính theo quy định hiện hành.

Dự toán chi phí xây dựng công trình điều chỉnh theo chế độ tiền lương mới nêu ở Mục I trên đây, được tổng hợp cụ thể ở các Phụ lục kèm theo văn bản này.

### **II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:**

1. Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công nêu ở Mục I trên đây áp dụng để lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng và dự toán khảo sát xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng nêu tại Điều 2, Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh, thực hiện kể từ ngày 15/5/2015.

2. Đối với giá hợp đồng và thanh toán khối lượng hoàn thành, việc điều chỉnh phải căn cứ theo nội dung, phạm vi, phương pháp điều chỉnh đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng phù hợp với quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng trong hoạt động xây dựng theo hướng dẫn tại văn bản số 546/SXD-KTXD ngày 07/9/2012 và Công văn số 706/SXD-KTXD ngày 31/10/2012 của Sở Xây dựng.

3. Những dự án đầu tư xây dựng đã lập dự toán nhưng chưa phê duyệt, hoặc đang lập hồ sơ thiết kế, thì dự toán công trình phải điều chỉnh theo hướng dẫn ở văn bản này.

4. Công trình, đã thẩm định, phê duyệt dự toán, nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

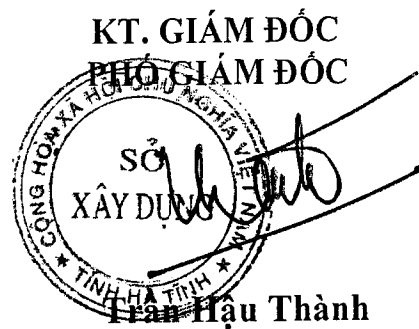
5. Đối với trường hợp dự toán xây dựng công trình mà chi phí nhân công, máy thi công không lập theo Đơn giá công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh, thì căn cứ vào mức tiền lương tối thiểu đã lập trong đơn giá đó để xác định hệ số điều chỉnh cho phù

hợp, chủ đầu tư báo cáo Sở Xây dựng để được hướng dẫn và thống nhất áp dụng cụ thể.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để cùng xem xét hướng dẫn cụ thể./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh ( để b/c);
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu VT, KTXD.



## Phụ lục 1

### BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHẦN XÂY DỰNG

( Kèm theo văn bản hướng dẫn số: 593/SXD-KTXD ngày 06 tháng 5 năm 2015  
của Sở Xây dựng )

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>		
1	Chi phí vật liệu	$A + CL_{VL}$	VL
2	Chi phí nhân công	$B \times K_{NC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$C \times K_{MTC}$	M
4	Trực tiếp phí khác	$(VL+NC+M) \times \text{tỷ lệ quy định}$	TTK
	<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	$VL + NC + M + TTK$	T
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ CHUNG</b>	$T \times P$	CPC
	<b>GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG</b>	$T + CPC$	Z
<b>III</b>	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	$Z \times \text{tỷ lệ qui định}$	TL
	<b>Giá trị dự toán xây dựng trước thuế</b>	$(Z + TL)$	G
<b>IV</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng đầu ra</b>	$G \times T_{GTGT}$	VAT
	<b>GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG SAU THUẾ</b>	$G + VAT$	$G_{XDCPT}$
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ qui định} \times 1,1$	$G_{XDLT}$

**Trong đó :**

A : Là tổng giá trị chi phí vật liệu tính theo khối lượng công trình và đơn giá vật liệu trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần Xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh (gọi tắt là Đơn giá XD);

B : Là tổng giá trị chi phí nhân công tính theo khối lượng công trình và đơn giá nhân công trong Đơn giá XD;

C : Là tổng giá trị chi phí máy thi công tính theo khối lượng công trình và đơn giá máy thi công trong Đơn giá XD;

$CL_{VL}$ : Giá trị chênh lệch giá vật liệu trong Đơn giá XD và giá vật liệu đến chân công trình ở thời điểm tính toán;

$K_{NC}$ : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

$K_{MTC}$ : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo loại hình công trình nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

P : Là định mức chi phí chung (%);

$T_{GTGT}$  : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng. Theo qui định hiện hành,  $T_{GTGT} = 10\%$ ;

Định mức chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo qui định tại Bảng 3.8 ban hành kèm theo Thông tư 04/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Tỷ lệ tính chi phí lán trại tạm ở công trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Đối với các công trình có qui mô lớn, phức tạp, chi phí xây dựng lán trại tại hiện trường theo tỷ lệ nêu trên nếu không phù hợp thì chủ đầu tư lập và phê duyệt dự toán chi phí riêng.

## Phụ lục 2

### BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHẦN LẮP ĐẶT

( Kèm theo văn bản hướng dẫn số: 593/SXD-KTXD ngày 06 tháng 5 năm 2015  
của Sở Xây dựng )

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>		
1	Chi phí vật liệu	$A + CL_{VL}$	VL
2	Chi phí nhân công	$B \times K_{NC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$C \times K_{MTC}$	M
4	Trực tiếp phí khác	$(VL+NC+M) \times \text{tỷ lệ quy định}$	TTK
	<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	$VL + NC + M + TTK$	T
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ CHUNG</b>	$T \times P$	CPC
	<b>GIÁ THÀNH DỰ TOÁN LẮP ĐẶT</b>	$T + CPC$	Z
<b>III</b>	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	$Z \times \text{tỷ lệ qui định}$	TL
	Giá trị chênh lệch của đường ống dẫn và phụ kiện ( nếu có)	Theo bảng tính bù chi tiết	BO
	Giá trị dự toán lắp đặt trước thuế	$(Z + TL + BO)$	G
<b>IV</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng đầu ra</b>	$G \times T_{GTGT}$	VAT
	<b>GIÁ TRỊ DỰ TOÁN LẮP ĐẶT SAU THUẾ</b>	$G + VAT$	$G_{LĐCPT}$
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ qui định} \times 1,1$	$G_{XDLT}$

**Trong đó :**

A : Là tổng giá trị chi phí vật liệu tính theo khối lượng công trình và đơn giá vật liệu trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần Lắp đặt công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh ( gọi tắt là Đơn giá LĐ);

B : Là tổng giá trị chi phí nhân công tính theo khối lượng công trình và đơn giá nhân công trong Đơn giá LĐ;

C : Là tổng giá trị chi phí máy thi công tính theo khối lượng công trình và đơn giá máy thi công trong Đơn giá LĐ;

$CL_{VL}$  : Giá trị chênh lệch giá vật liệu trong Đơn giá LĐ và giá vật liệu đến chân công trình ở thời điểm tính toán;



$K_{NC}$ : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

$K_{MTC}$  : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo loại hình công trình nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

P : Là định mức chi phí chung (%);

BO: Là giá trị chênh lệch của đường ống dẫn và phần phụ kiện (nếu có), khi công trình có sử dụng đường ống dẫn và phụ kiện có đường kính ống  $D > 600$  với ống dẫn nước;  $D > 400$  với ống dẫn dầu, khí và  $D > 800$  với ống bê tông.

$T_{GTGT}$  : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công tác lắp đặt xây dựng. Theo qui định hiện hành,  $T_{GTGT} = 10\%$ ;

Định mức chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo qui định tại Bảng 3.8 ban hành kèm theo Thông tư 04/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Tỷ lệ tính chi phí lán trại tạm ở công trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Đối với các công trình có qui mô lớn, phức tạp, chi phí xây dựng lán trại tại hiện trường theo tỷ lệ nêu trên nếu không phù hợp thì chủ đầu tư lập và phê duyệt dự toán chi phí riêng